

ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2025-2026
(Điểm chuẩn chính thức)

Mã Trường	Tên Trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Điểm chuẩn nguyện vọng 2	Điểm chuẩn nguyện vọng 3
01FA01	THPT Trưng Vương	20.25	20.5	20.75
01FA02	THPT Bùi Thị Xuân	22.25	22.5	23
01FB01	THPT Ten Lơ Man	18	18.75	19
01HA04	THPT Năng khiếu TDTT	11.75	11.75	12
01HA99	THCS THPT Trần Đại Nghĩa	24.5	25	25.5
01HB05	THPT Lương Thế Vinh	20.75	21	21.75
02FA01	THPT Giồng Ông Tố	17.5	17.75	18.25
02HA01	THPT Thủ Thiêm	12.5	13.5	13.75
03FA01	THPT Lê Quý Đôn	22.25	23	23.5
03FA02	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	23.75	24	24.75
03FA03	THPT Lê Thị Hồng Gấm	12	12.25	13
03FB02	THPT Marie Curie	19.5	19.75	20
03HB12	THPT Nguyễn Thị Diệu	10.5	10.5	10.5
04FA01	THPT Nguyễn Trãi	11.25	12	12
04HA01	THPT Nguyễn Hữu Thọ	14	14.75	15.5
05EA02	Trung học thực hành Sài Gòn	21.5	22.25	22.5
05FA02	THPT Hùng Vương	17.75	18.75	19
05FA04	Trung học Thực hành - ĐHSP	23	23.5	24
05FB01	THPT Trần Khai Nguyên	21	21.25	22
05HB01	THPT Trần Hữu Trang	12.5	12.75	13.5
06FA01	THPT Mạc Đĩnh Chi	22.25	23	23.5
06FA02	THPT Bình Phú	20.25	20.75	21.25
06FA03	THPT Nguyễn Tất Thành	16.75	17.25	17.75
06FA04	THPT Phạm Phú Thứ	14.25	14.75	15
07FA01	THPT Lê Thánh Tôn	17.25	18	18.25
07FA02	THPT Tân Phong	13.75	14	14.75
07HA01	THPT Ngô Quyền	20	20.5	20.75
07HB01	THPT Nam Sài Gòn	20.25	20.75	21
08FA01	THPT Lương Văn Can	12.25	13	13.25
08FA02	THPT Ngô Gia Tự	10.5	10.5	10.5
08FA03	THPT Tạ Quang Bửu	15	15.75	16.5
08FA04	THPT Nguyễn Văn Linh	10.5	10.5	11
08FA05	THPT Võ Văn Kiệt	15	15.25	15.75
08HA01	THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	12.5	12.75	13.5
09FA01	THPT Nguyễn Huệ	15	15.25	15.75
09FA02	THPT Phước Long	16.25	17	17.25

Handwritten signature

Mã Trường	Tên Trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Điểm chuẩn nguyện vọng 2	Điểm chuẩn nguyện vọng 3
09FA03	THPT Long Trường	10.5	10.5	10.5
09FA04	THPT Nguyễn Văn Tăng	10.5	10.5	10.5
09FA05	THPT Dương Văn Thì	13.5	14	14.25
10FA01	THPT Nguyễn Khuyến	18.75	19.5	20
10FA02	THPT Nguyễn Du	18.75	19.5	20
10FB01	THPT Nguyễn An Ninh	13.75	14.5	15
10HB01	THCS và THPT Diên Hồng	11.75	12	12.25
10HB43	THCS và THPT Sương Nguyệt Anh	11.25	11.5	12
11FA01	THPT Nguyễn Hiền	16.25	16.5	17
11FA02	THPT Trần Quang Khải	16	16.5	17
11FB01	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	13.75	14.25	15
12FA01	THPT Võ Trường Toản	21.5	21.75	22
12FA02	THPT Trường Chinh	17.25	17.75	18
12HA01	THPT Thạnh Lộc	15.5	16.25	17
13FA01	THPT Thanh Đa	13.75	14.25	14.75
13FA02	THPT Võ Thị Sáu	17.75	18.25	18.75
13FA03	THPT Gia Định	18.75	19.5	20
13FA04	THPT Phan Đăng Lưu	13.5	13.75	14.75
13FA05	THPT Trần Văn Giàu	14.75	15.25	16.25
13FB01	THPT Hoàng Hoa Thám	16.75	17.25	18
14FA01	THPT Gò Vấp	15.75	16.25	16.75
14FA02	THPT Nguyễn Công Trứ	20	20.5	21
14FA03	THPT Trần Hưng Đạo	20.25	21.25	21.75
14FB03	THPT Nguyễn Trung Trực	17.25	17.5	17.75
15FA01	THPT Phú Nhuận	22.5	22.75	23
15FB02	THPT Hàn Thuyên	13.5	14	15
16FA01	THPT Tân Bình	19.75	20.25	20.5
16FA18	THPT Nguyễn Chí Thanh	18	18.5	18.75
16FA19	THPT Trần Phú	22.75	23.25	23.5
16FA20	THPT Nguyễn Thượng Hiền	23.5	24	24.5
16FB21	THPT Nguyễn Thái Bình	16.25	16.5	17
17FA01	THPT Nguyễn Hữu Huân	23.5	24	24.25
17FA02	THPT Thủ Đức	21	21.75	22
17FA03	THPT Tam Phú	17.75	18.5	19
17FA04	THPT Hiệp Bình	13.5	14	14.5
17FA05	THPT Đào Sơn Tây	11.75	11.75	12.5
17FA06	THPT Linh Trung	12.5	12.5	13
17FA07	THPT Bình Chiểu	12.25	12.5	13
18FA01	THPT Bình Chánh	10.75	11	11.75
18FA04	THPT Tân Túc	10.5	10.5	10.5
18FA05	THPT Vĩnh Lộc B	13.75	14.25	14.75
18FA06	THPT Năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh	12	12.25	13
18FA07	THPT Phong Phú	10.5	10.5	10.5
18HA02	THPT Lê Minh Xuân	12.75	13.5	14.25

Mã Trường	Tên Trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Điểm chuẩn nguyện vọng 2	Điểm chuẩn nguyện vọng 3
18HA03	THPT Đa Phước	10.5	10.5	10.5
19FA01	THPT Bình Khánh	10.5	10.5	10.5
19FA02	THPT Cần Thạnh	10.5	10.5	10.5
19FA03	THPT An Nghĩa	10.5	10.5	10.5
20FA01	THPT Củ Chi	12.25	12.5	13
20FA02	THPT Quang Trung	11.5	12	12.5
20FA03	THPT An Nhơn Tây	10.5	10.5	10.5
20FA04	THPT Trung Phú	14.25	15	15.5
20FA05	THPT Trung Lập	10.5	10.5	10.5
20FA06	THPT Phú Hòa	11.75	12.25	12.5
20FA07	THPT Tân Thông Hội	14	14.5	15
21FA01	THPT Nguyễn Hữu Cầu	23	23.25	24
21FA02	THPT Lý Thường Kiệt	20.25	20.75	21
21FA03	THPT Bà Điểm	19	19.5	20
21FA04	THPT Nguyễn Văn Cừ	14.75	15.25	15.75
21FA05	THPT Nguyễn Hữu Tiến	17.5	17.75	18.5
21FA06	THPT Phạm Văn Sáng	16.25	16.75	17.5
21FA07	THPT Hồ Thị Bi	17	17.5	18
22FA01	THPT Long Thới	12	12.25	12.5
22FA02	THPT Phước Kiển	10.75	11	11.75
22FA03	THPT Dương Văn Dương	10.5	10.5	10.5
23FA01	THPT Tây Thạnh	21.75	21.75	22.5
23FA02	THPT Lê Trọng Tấn	18.5	19.25	20
24FA01	THPT Vĩnh Lộc	16.75	17.25	17.75
24FA02	THPT Nguyễn Hữu Cánh	18.25	19	20
24FA03	THPT Bình Hưng Hòa	17.75	18.25	19
24FA04	THPT Bình Tân	14.25	14.25	14.5
24FA05	THPT Bình Trị Đông B (THPT Hoàng Thế Thiện)	13	13.5	14
24HA01	THPT An Lạc	15.25	15.5	16

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bảo Quốc